

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2023

V/v mời chào giá dịch vụ diệt muỗi, diệt chuột


Kính gửi: .....

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức kính mời các đơn vị có đủ năng lực diệt muỗi, diệt chuột cho toàn bộ khuôn viên bệnh viện Hữu nghị Việt Đức tham gia chào giá. Yêu cầu chung đối với các đơn vị tham gia chào giá:



- Thời gian hiệu lực báo giá  $\geq$  06 tháng.
- Yêu cầu về kỹ thuật (theo phụ lục 01 đính kèm)
- Yêu cầu về báo giá (theo phụ lục 02 đính kèm)
- Hợp đồng tương tự về cung cấp dịch vụ (nếu có).

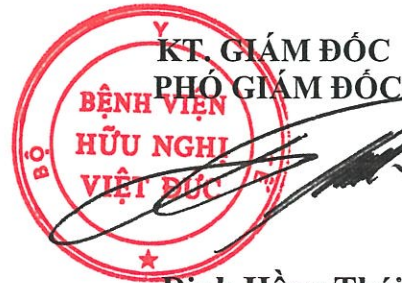
Thông tin xin gửi về địa chỉ: Phòng Quản trị - nhà A2 - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức – 40 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội, đến trước 16h30 ngày 07/06/2023.

Mọi thắc mắc xin liên hệ: Chuyên viên. Nguyễn Trí Đạt - SĐT: 0243.8253531 (máy lẻ 315).

Xin trân trọng cảm ơn! 

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Giám đốc bệnh viện (để báo cáo)
- Lưu: VT, QT. 



Đinh Hồng Thái

**PHỤ LỤC 01. YÊU CẦU KỸ THUẬT**  
(Kèm theo công văn số      ngày      tháng      năm 2023)

**1. Yêu cầu về thuốc sử dụng**

- **Thuốc diệt muỗi và diệt loăng quăng bọ gậy:** là chế phẩm có tác dụng diệt muỗi, diệt côn trùng nằm trong danh mục chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế đã cấp số đăng ký lưu hành còn hiệu lực của Cục quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế.

- **Thuốc diệt chuột và chế phẩm khử mùi:**

Đối với thuốc diệt chuột sử dụng các loại thuốc diệt chuột nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam quy định tại phụ lục 1 thông tư 19/2021/TT-BNNPTNT.

Đối với chế phẩm khử mùi hôi: Chế phẩm đưa vào sử dụng phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được dán nhãn hoặc có kèm theo nhãn phụ với đầy đủ các thông tin chi tiết về chế phẩm và chế phẩm phải được phép sử dụng tại Việt Nam.

**2. Yêu cầu thiết bị, máy móc thực hiện gói thầu:**

Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu huy động để thực hiện diệt muỗi chuột trong khuôn viên bệnh viện

**3. Các trang bị khác:**

Tấm vải mềm sạch hoặc tương đương để che phủ các vật dụng, Che phủ giường chiếu, đồ đạc, quần áo, chăn màn, đồ dùng cá nhân,...nhằm tránh thuốc có thể gây bắn bắn khi phun.

Trang phục bảo hộ đầy đủ: giày, găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ, kính hoặc tấm chắn...hoặc các trang phục bảo hộ tương đương: mặc bảo hộ trong suốt quá trình phun thuốc muỗi.

**4. Kỹ thuật thi công diệt muỗi chuột:**

Nhà thầu gửi báo giá đi kèm phương án thi công: Để công tác diệt muỗi chuột trong khuôn viên bệnh viện đạt hiệu quả cao nhất.

**5. Bảo hành dịch vụ:**

Đơn vị thi công phải có cam kết về việc bảo hành dịch vụ.

Diệt muỗi bảo hành: 06 tháng cho mỗi đợt phun. (Diệt chuột thực hiện liên tục trong 12 tháng).

**6. Vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:**

Đơn vị chào giá phải có phương án về vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động khi thực hiện diệt muỗi chuột trong khuôn viên bệnh viện.

**7. Yêu cầu về hiệu quả diệt muỗi chuột:**

+ Đối với phun thuốc diệt muỗi, diệt loăng quăng (bọ gậy): Sau 01 tháng thực hiện phun diệt muỗi, diệt loăng quăng (bọ gậy) các bên tổ chức đánh giá nếu số lượng muỗi, loăng quăng (bọ gậy) cơ bản được tiêu diệt (mắt thường không nhìn thấy, hoặc thấy rất ít) được đánh giá là đạt yêu cầu; nếu muỗi, loăng quăng bọ gậy chưa được tiêu diệt cơ bản (mắt thường còn dễ dàng nhìn thấy) thì được đánh giá là chưa đạt, đơn vị thực hiện phải tiến hành phun diệt muỗi lại toàn bộ khu vực theo yêu cầu của bên bệnh viện.



+ Đối với công tác diệt chuột: Đơn vị được thực hiện thường xuyên kiểm tra, đánh giá trong suốt quá trình diệt chuột (12 tháng) bằng các hình thức đi kiểm tra trực tiếp tại các vị trí chuột thường hay xuất hiện, nơi đặt bẫy, nơi đánh thuốc và nhận thông tin báo từ các trung tâm, khoa, phòng trong bệnh viện phản ánh có chuột xuất hiện (ảnh, video xuất hiện chuột hoặc hình ảnh đồ đạc, phương tiện, máy móc thiết bị... bị chuột cắn phá). Sau 1 tháng thực hiện kể từ ngày ký hợp đồng diệt chuột khi kiểm tra không có dấu hiệu của chuột thì được đánh giá là đạt yêu cầu. Khi kiểm tra có nhiều dấu vết chuột cắn phá, chuột cắn hỏng dây điện, cắn phá đồ đạc, xuất hiện nhiều khu vực trong các tòa nhà (có thể nhìn thấy khi đi kiểm tra hoặc có hình ảnh, video ghi lại) được xem là chưa đạt. Đơn vị thực hiện phải đưa ra giải pháp cho bên chủ đầu tư để tăng cường thực hiện các biện pháp diệt chuột đạt hiệu quả đến khi không có chuột xuất hiện chuột.

**8. Giá trị bồi thường khi chuột cắn phá làm hư hỏng tài sản trong bệnh viện:**  
Trong thời gian diệt chuột nếu chuột cắn phá làm hỏng đồ đạc, dây điện, phương tiện, thiết bị máy móc, thuốc, vật tư, vật tư kỹ thuật cao (trong các tòa nhà) xác nhận đúng tình trạng bên nhà thầu phải tiến hành bồi thường các tài sản nói trên theo đúng giá trị tại thời điểm đó.

**PHỤ LỤC 02. YÊU CẦU BÁO GIÁ**  
(Kèm theo công văn số      ngày      tháng      năm 2023)

TÊN ĐƠN VỊ:.....  
ĐỊA CHỈ:.....  
CÁC THÔNG TIN KHÁC:.....

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2023

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Tên công ty, đơn vị, doanh nghiệp cửa hàng..... báo giá về việc diệt muỗi chuột trong khuôn viên bệnh viện năm 2023-2024 như sau:

Stt	Nội dung dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Diệt muỗi cho toàn bộ khuôn viên bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (diệt muỗi và diệt loăng quăng) - Đợt tháng 10/2023	m <sup>2</sup>	73.828		
2	Diệt muỗi cho toàn bộ khuôn viên bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (diệt muỗi và diệt loăng quăng) - Đợt tháng 4/2024	m <sup>2</sup>	73.828		
3	Diệt và kiểm soát chuột cho toàn bộ khuôn viên bệnh viện Hữu nghị Việt Đức bằng thuốc diệt chuột sinh học Storm kết hợp với các loại bẫy diệt chuột chuyên dụng (trong thời gian 12 tháng).	m <sup>2</sup>	94.918		
	<b>Cộng</b>				
	<b>Thuế VAT 10%</b>				
	<b>Tổng cộng</b>				

- Hiệu lực báo giá: .....
- Thời gian bảo hành với việc diệt muỗi cho mỗi đợt phun: .....
- Phương án thi công đính kèm:.....

**LẬP BÁO GIÁ**  
(ký, ghi rõ họ tên)

BỆNH VIỆN HN VIỆT ĐỨC  
PHÒNG QUẢN TRỊ

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH PHUN MUỐI TRONG KHUÔN VIÊN BỆNH VIỆN**

Cập nhật ngày 01/06/2023

**I. Về đất**

a. Diện tích khuôn viên đất: 34.698 m<sup>2</sup>

**II. Về nhà**

Stt	Nhà	Số hiệu	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Cấp hạng	Số tầng	Diện tích xây (m <sup>2</sup> )	Tổng diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích giảm trừ	Diện tích tầng thêm	Diện tích phun muối	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	NHÀ CẤP I											
1	Nhập tầng tài sản Nhà KTC 11 tầng nổi, 2 tầng hầm /DA NKT (tạm tính)	D		2015	I	13	2455	27000	3.904	457	23.553	Diện tích giảm trừ: Tầng 9 tầng 10 nhà D:3528 m <sup>2</sup> Trừ diện tích phòng Hồi sức 8: 376m <sup>2</sup> Diện tích thang máy: 220m <sup>2</sup> Diện tích tầng thêm: khu nhà trên tầng mái nhà D
2	Nhà Trung tâm khám bệnh cấp cứu và điều trị trong ngày			2023	I	8	1641	11244			11.244	Tổng diện tích 2 tầng hầm: 3.282 m <sup>2</sup> , từ tầng 1 đến tầng 6 có diện tích sàn xây dựng: 1327m <sup>2</sup> /sàn
II	NHÀ CẤP II											
3	Nhà điều trị theo yêu cầu số 1	B9	1957	1960	II	3	208,6	625,74			625,74	
	Nhà điều trị theo yêu cầu số 2		1989	1992	II	3	402,1	804,28			804,28	
	Nhà điều trị theo yêu cầu số 3(BS nội trú)		2000	2003	II	3	198,9	596,66			596,66	
4	Nhà giặt	A10	1973	1976	II	1	548,9	548,91			548,91	
5	Nhà khám cấp cứu	C	1993	1996	II	3	2276	5077,66	490		4587,66	Trừ diện tích 2 phòng mổ tầng 1 và tầng 2:400m <sup>2</sup> Trừ diện tích thang máy: 90m <sup>2</sup>



Stt	Nhà	Số hiệu	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Cấp hạng	Số tầng	Diện tích xây (m2)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)	Diện tích giảm trừ	Diện tích tầng thêm	Diện tích phun muối	Ghi chú
6	Nhà bệnh nhân tim	B4	1998	2001	II	4	836,8	3347,2	837		2510,4	Trừ diện tích phòng hồi sức tầng 2
7	Nhà giải phẫu bệnh - Tang lễ	B8-B10	1998	2001	II	3	377,4	1132,1			1132,1	
8	Nhà hội trường lớn Tôn thất Tùng	A4	1999	2002	II	2	466,4	932,85			932,85	
9	Nhà mổ (viện trợ Đức)	B6	1999	2002	II	2	1204	2407,7	288		2119,7	Trừ diện tích phòng hồi sức tầng 1: 9,6m x 30m = 288m2
10	Nhà bệnh nhân chấn thương	B3	1999	2002	II	4	803,1	3212,4			3212,4	
11	Nhà điều trị bệnh nhân (7 tầng)	B1	2002	2006	II	7	1550	10850			10.850	
12	Tòa nhà Hậu Cẩn		2018	2020	II	4	310	1240			1240	
<b>III</b>	<b>NHÀ CẤP III</b>											
13	Nhà mổ	B7	1900	1906	III	2	717,3	1434,5	520		914,5	Trừ diện tích 13 phòng mổ nhà B6: 520m2
14	Nhà hành chính X-quang	A2	1951	1954	III	2	652,3	1304,5			1304,5	
15	Nhà truyền thống (khoa thận lọc máu cũ)	B2	1951	1954	III	1	253,21	253,21			253,21	
16	Nhà cầu (khu mổ Pháp) nối nhà B1 và B7			1970	III	2	195	390			390	
17	Nhà trạm điện		1968	1971	III	1	137	274			274	
18	Nhà Hành chính	A1	1973	1976	III	3	323,3	969,9			969,9	
19	Nhà Khoa dược	A3	1973	1976	III	3	323,3	969,9			969,9	
20	Nhà dinh dưỡng (nhà ăn)	A7	1988	1991	III	1	344,4	344,4			344,4	

Sst	Nhà	Số hiệu	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Cấp hạng	Số tầng	Diện tích xây (m2)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)	Diện tích giảm trừ	Diện tích tăng thêm	Diện tích phun muối	Ghi chú
21	Nhà cầu thép VC bệnh nhân (nói B3, nhà nghỉ, khu mổ phác, nhà D)		2017	2018	III	2	300	450			450	
22	Mở rộng khu điều trị bệnh nhân nhà B1 (Đơn nguyên 2)		2019	2019	III	1	379	379			379	
23	Nhà thanh toán viện phí		2019	2019	III	1	176,4	176,4			176,4	
24	Nhà thuốc khu 1C		2019	2019	III	1	165	165			165	
<b>IV</b>	<b>NHÀ CẤP IV</b>											
25	Nhà bếp		1951	1954	IV	1	238,7	238,67			238,67	
26	Nhà bảo vệ cổng 40 Trảng Thi		1951	1954	IV	1	41,99	41,99			41,99	
27	Nhà xe quán sừ		1987	1990	IV	1	424	423,51			423,51	
28	Nhà trực điện		1993	1996	IV	1	63,62	63,62			63,62	
29	Khoa PT Nhiễm khuẩn	B5	2010	2010	IV	4	300	950			950	
30	Nhà nghỉ người nhà bệnh nhân		2017	2018	IV	2	303	530			530	
	<b>Tổng cộng</b>						<b>18.615</b>	<b>78.378</b>			<b>72.796</b>	


III. Diện tích phun muối ngoại cảnh: 1032

Tổng diện tích phun muối trong khuôn viên bệnh viện = Diện tích phun muối trong tòa nhà + diện tích phun muối ngoại cảnh = 72.796 + 1032 = 73.828 m<sup>2</sup>

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Trí Đạt

TỔ XDCB  
  
 Nguyễn Ngọc Năm



**BỆNH VIỆN HN VIỆT ĐỨC**  
**PHÒNG QUẢN TRỊ**  
**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH DIỆT CHUỘT CHO TOÀN BỘ KHUỐN VIÊN BỆNH VIỆN**

Cập nhật ngày 01/06/2023

**A. Về đất**

1. Diện tích khuôn viên đất: 34.698 m<sup>2</sup>

**B. Về nhà**

S/tt	Nhà	Số hiệu	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Cấp hạng	Số tầng	Diện tích xây (m <sup>2</sup> )	Tổng diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích giảm trừ	Diện tích tăng thêm	Diện tích diệt chuột	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>I</b>	<b>NHÀ CẤP I</b>											
1	Nhập tầng tài sản Nhà KTC 11 tầng nổi, 2 tầng hầm DA NKT (tạm tính)	D		2015	I	13	2455	27000		457	27.457	Diện tích tăng thêm: khu nhà trên tầng mái nhà D
2	Nhà Trung tâm khám bệnh cấp cứu và điều trị trong ngày			2023	I	8	1641	11244			11.244	Tổng diện tích 2 tầng hầm: 3.282 m <sup>2</sup> , từ tầng 1 đến tầng 6 có diện tích sàn xây dựng: 1327m <sup>2</sup> /sàn
<b>II</b>	<b>NHÀ CẤP II</b>											
	Nhà điều trị theo yêu cầu số 1		1957	1960	II	3	208,6	625,74			625,74	
2	Nhà điều trị theo yêu cầu số 2	B9	1989	1992	II	3	402,1	804,28			804,28	
	Nhà điều trị theo yêu cầu số 3(BS nội trú)		2000	2003	II	3	198,9	596,66			596,66	
3	Nhà giặt	A10	1973	1976	II	1	548,9	548,91			548,91	
4	Nhà khám cấp cứu	C	1993	1996	II	3	2276	5077,66			5077,66	
5	Nhà bệnh nhân tim	B4	1998	2001	II	4	836,8	3347,2			3347,2	
6	Nhà giải phẫu bệnh - Tang lễ	B8-B10	1998	2001	II	3	377,4	1132,1			1132,1	
7	Nhà hội trường lớn Tôn thất Tùng	A4	1999	2002	II	2	466,4	932,85			932,85	



Sst	Nhà	Số hiệu	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Cấp hạng	Số tầng	Diện tích xây (m <sup>2</sup> )	Tổng diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích giảm trừ	Diện tích tăng thêm	Diện tích diệt chuột	Ghi chú
8	Nhà mổ (viện trợ Đức)	B6	1999	2002	II	2	1204	2407,7			2407,7	
9	Nhà bệnh nhân chấn thương	B3	1999	2002	II	4	803,1	3212,4			3212,4	
10	Nhà điều trị bệnh nhân (7 tầng)	B1	2002	2006	II	7	1550	10850			10.850	
11	Tòa nhà Hậu Cần		2018	2020	II	4	310	1240			1240	
<b>III</b>	<b>NHÀ CẤP III</b>											
12	Nhà mổ	B7	1900	1906	III	2	717,3	1434,5			1434,5	
13	Nhà hành chính X-quang	A2	1951	1954	III	2	652,3	1304,5			1304,5	
14	Nhà truyền thông (khoa thận lọc máu cũ)	B2	1951	1954	III	1	253,21	253,21			253,21	
15	Nhà cầu (khu mổ Pháp) nối nhà B1 và B7			1970	III	2	195	390			390	
16	Nhà trạm điện		1968	1971	III	1	137	274			274	
17	Nhà Hành chính	A1	1973	1976	III	3	323,3	969,9			969,9	
18	Nhà Khoa dược	A3	1973	1976	III	3	323,3	969,9			969,9	
19	Nhà dinh dưỡng (nhà ăn)	A7	1988	1991	III	1	344,4	344,4			344,4	
20	Nhà cầu thép VC bệnh nhân (nối B3, nhà nghỉ, khu mổ pháp, nhà D)		2017	2018	III	2	300	450			450	

*MLL*

Stt	Nhà	Số hiệu	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Cấp hạng	Số tầng	Diện tích xây (m2)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)	Diện tích giảm trừ	Diện tích tăng thêm	Diện tích diệt chuột	Ghi chú
21	Mở rộng khu điều trị bệnh nhân nhà B1 (Đơn nguyên 2)		2019	2019	III	1	379	379			379	
22	Nhà thanh toán viện phí		2019	2019	III	1	176,4	176,4			176,4	
23	Nhà thuốc khu 1C		2019	2019	III	1	165	165			165	
<b>IV</b>	<b>NHÀ CẤP IV</b>											
24	Nhà bếp		1951	1954	IV	1	238,7	238,67			238,67	
25	Nhà bảo vệ cổng 40 Trảng Thi		1951	1954	IV	1	41,99	41,99			41,99	
26	Nhà xe quán sù		1987	1990	IV	1	424	423,51			423,51	
27	Nhà trực điện		1993	1996	IV	1	63,62	63,62			63,62	
28	Khoa PT Nhiễm khuẩn	B5	2010	2010	IV	4	300	950			950	
29	Nhà nghỉ người nhà bệnh nhân		2017	2018	IV	2	303	530			530	
	<b>Tổng cộng</b>						<b>18.615</b>	<b>78.378</b>			<b>78.835</b>	

### C. Ngoại cảnh

1. Diện tích ngoại cảnh = Diện tích đất - Diện tích xây dựng = 34.698 - 18.615 = 16.083 m<sup>2</sup>

**Tổng diện tích diệt chuột trong khuôn viên bệnh viện: Diện tích ngoại cảnh + Diện tích tòa nhà = 16.083 + 78.835 = 94.918 m<sup>2</sup>**

*TỔ xây dựng có ban*

*MMB*

*Minh Ngọc Năm*

NGƯỜI LẬP

*[Signature]*

Nguyễn Trí Đạt